

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 16 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 25/7/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H và ông Lê Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/1997. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì bà H và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà H và ông T có 03 người con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 05/8/1998, Lê Thanh T1, sinh ngày 26/01/2001 và Lê Thanh H, sinh ngày

30/5/2006; cháu T và cháu Tới hiện nay đã thành niên còn cháu Hoài hiện nay sống chung với bà H; về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thanh H đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung, đối với Lê Thanh T và Lê Thanh T1 đã thành niên nên bà H không yêu cầu gì; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà H không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Lê Thanh T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lê Thanh T chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thanh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H; giao cháu Lê Thanh H cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng cho con chung; đối với cháu Lê Thanh T và cháu Lê Thanh T1 đã thành niên nên bà H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thanh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/1997 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho rằng nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, từ đó thường hay cãi vã qua lại nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và sau

khi sống ly thân thì bà H và ông T có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà H và ông T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà H vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà H và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định trong thời gian chung sống, bà H và ông Lê Thanh T có 03 người con chung là Lê Thanh T, sinh ngày 05/8/1998, Lê Thanh T1, sinh ngày 26/01/2001 và Lê Thanh H, sinh ngày 30/5/2006; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thanh H đến khi thành niên; đối với Lê Thanh T và Lê Thanh T1 đã thành niên nên bà H không yêu cầu gì. Xét thấy, từ khi bà H và ông T sống ly thân cho đến nay cháu Hoài do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu Hoài có nguyện vọng sống chung với bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Hoài, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Hoài cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông T mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lê Thanh T, sinh ngày 05/8/1998 và cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/01/2001 hiện nay đã thành niên, bà H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Lê Thanh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh H, sinh ngày 30/5/2006 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Lê Thanh T không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông T mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lê Thanh T, sinh ngày 05/8/1998 và cháu Lê Thanh T1, sinh ngày 26/01/2001 hiện nay đã thành niên, bà H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001077 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Văn Hợi